

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Số: /KH-SGDĐT

(DỰ THẢO)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày tháng 9 năm 2025

KẾ HOẠCH

**Tổ chức Kỳ thi chọn học sinh giỏi thành phố các môn văn hóa lớp 9
cấp Trung học cơ sở năm học 2025-2026**

Căn cứ Thông tư số 17/2023/TT-BGDĐT ngày 10/10/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về ban hành Quy chế thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia; Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GDĐT về việc ban hành chương trình giáo dục phổ thông;

Căn cứ Quyết định số 3348/QĐ-UBND ngày 19/8/2025 của UBND thành phố Hải Phòng về việc Ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Công văn số 5214/SGDĐT-QLCL ngày 04/8/2025 của Sở GDĐT về việc tổ chức các kỳ thi cho học sinh trung học năm học 2025-2026;

Sở GDĐT Hải Phòng xây dựng Kế hoạch tổ chức Kỳ thi chọn học sinh giỏi thành phố các môn văn hóa lớp 9 cấp Trung học cơ sở (THCS) năm học 2025-2026 (sau đây gọi là Kỳ thi), cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Nhằm động viên, khuyến khích người dạy và người học phát huy năng lực sáng tạo, dạy giỏi, học giỏi; góp phần thúc đẩy việc cải tiến, nâng cao chất lượng dạy và học, chất lượng công tác quản lý, chỉ đạo của các cấp quản lý giáo dục; đồng thời phát hiện người học có năng khiếu về môn học để tạo nguồn bồi dưỡng, thực hiện mục tiêu đào tạo nhân tài cho thành phố; thực hiện công bằng trong đánh giá; khuyến khích, thúc đẩy phong trào thi đua dạy tốt, học tốt trong các cơ sở giáo dục; tạo điều kiện cho các nhà trường nâng cao chất lượng giáo dục mũi nhọn.

2. Kỳ thi phải được tổ chức đảm bảo tuyệt đối các nguyên tắc: An toàn, nghiêm túc, chính xác, khách quan, công bằng và mọi khâu của Kỳ thi phải tuân thủ chặt chẽ các quy định trong quy chế thi hiện hành.

3. Nội dung và hình thức thi phải bám sát Chương trình Giáo dục phổ thông (GDPT) 2018. Đề thi được xây dựng theo hướng đánh giá năng lực tư duy, khả năng phân tích, tổng hợp, năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn.

4. Về công tác kiểm tra, giám sát: Đảm bảo tính nghiêm túc, khách quan và đúng quy chế, Sở GDĐT sẽ thành lập các Đoàn công tác để tiến hành kiểm tra, giám sát việc triển khai kế hoạch ở từng giai đoạn. Các Đoàn có nhiệm vụ đảm bảo việc thực thi đúng quy định và xử lý kịp thời các vấn đề kỹ thuật phát sinh.

II. TỔ CHỨC KỲ THI

1. Đối tượng, điều kiện dự thi

Thí sinh tham gia Kỳ thi là học sinh đang cấp THCS trên địa bàn thành phố Hải Phòng, trong đó:

- Đánh giá kết quả học tập và rèn luyện cuối năm học 2024-2025 hoặc cuối học kỳ I năm học 2025-2026 đạt mức khá trở lên.
- Học sinh phải được lựa chọn thông qua các kỳ thi học sinh giỏi (HSG) cấp Trường và cấp Xã/Phường/Đặc khu (*sau đây gọi chung là cấp Xã*).
- Mỗi học sinh chỉ được đăng ký dự thi 01 môn thi duy nhất ở cấp thành phố.
- Mỗi học sinh chỉ được đăng ký dự thi 01 (một) môn hoặc phân môn (*đối với môn Lịch sử và Địa lý*) hoặc mạch nội dung (*đối với môn Khoa học tự nhiên*).

2. Môn thi và hình thức thi

2.1 Môn thi

- Các môn thi: Ngữ văn, Toán, Tin học, Giáo dục công dân, Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Nhật.
- Môn Lịch sử và Địa lý gồm 02 (hai) phân môn: phân môn Lịch sử (*gọi là Lịch sử & Địa lý 1*); phân môn Địa lý (*gọi là Lịch sử & Địa lý 2*);
- + Môn Khoa học tự nhiên, gồm 03 mạch nội dung: Năng lượng và sự biến đổi (*gọi là KHTN1*), Chất và sự biến đổi chất (*gọi là KHTN2*) và Vật sống (*gọi là KHTN3*).

2.2 Hình thức thi, thời gian làm bài

- Các môn thi trắc nghiệm: Toán, KHTN1, KHTN2, KHTN3, Lịch sử & Địa lý 1, Lịch sử & Địa lý 2, GDCD, Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Nhật. Thời lượng 90 phút.
- Môn Ngữ văn: Thi tự luận môn; thời gian: 150 phút.
- Môn Tin học: Làm bài giải bài toán trên máy vi tính; thời gian: 150 phút. - -
- Môn Công nghệ-CN: Thi kết hợp giữa lý thuyết và thực hành; thời gian 150 phút (*30 phút lý thuyết, 120 phút thực hành*).

3. Số lượng học sinh dự thi (chỉ tiêu)

Sở GDĐT phân bổ chỉ tiêu dự thi cấp thành phố cho từng đơn vị cấp cấp Xã, theo các tiêu chí sau:

3.1. Chỉ tiêu cơ bản (theo quy mô):

- Mục đích: Đảm bảo mọi đơn vị cấp Xã, không phân biệt quy mô lớn nhỏ, đều có số lượng học sinh dự thi.

- *Công thức tính*: 0,3% tổng số học sinh lớp 9 của Xã trong năm học 2025-2026 (làm tròn số).

3.2. Chỉ tiêu khuyến khích (theo thành tích):

- *Mục đích*: Ghi nhận và khuyến khích cho các trường THCS đã đạt thành tích xuất sắc trong Kỳ thi chọn học sinh giỏi thành phố năm học 2024-2025, tạo động lực thi đua giữa các cơ sở giáo dục.

- *Quy trình xây dựng chỉ tiêu*:

+ **Bước 1**: Tính điểm khuyến khích cho từng trường THCS (theo từng môn thi): *Điểm khuyến khích* = (Số giải Nhất x 8,0) + (Số giải Nhì x 4,0) + (Số giải Ba x 2,0) + (Số giải Khuyến khích x 1,5).

+ **Bước 2**: Xếp hạng các trường THCS trong toàn thành phố (theo từng môn thi) dựa trên tổng điểm khuyến khích từ cao xuống thấp. Trường hợp các trường có điểm bằng nhau sẽ được xếp cùng một hạng.

+ **Bước 3**: Xác định số chỉ tiêu khuyến khích được cộng thêm:

- o Hạng 1 – 10: +3 chỉ tiêu.
- o Hạng 11 – 15: +2 chỉ tiêu.
- o Hạng 16 – 25: +1 chỉ tiêu.
- o Ngoài hạng 25: 0 chỉ tiêu.

+ **Bước 4: Phân bổ chỉ tiêu khuyến khích**: Chỉ tiêu khuyến khích mà một trường THCS đạt được sẽ được cộng trực tiếp vào tổng chỉ tiêu của đơn vị cấp Xã nơi trường đó trực thuộc.

3.3. Các trường hợp đặc thù:

a) Đối với các môn Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh:

- *Lý do*: Nhằm tăng cường số lượng và chất lượng học sinh ở các môn học nền tảng, tạo nguồn cho các trường THPT chuyên.

- *Công thức*: Tổng chỉ tiêu = [Chỉ tiêu cơ bản x 1,4 (làm tròn lên)] + Chỉ tiêu khuyến khích.

b) Đối với môn Tin học:

- *Lý do*: Nhằm khuyến khích phát triển giáo dục STEM và phát hiện sớm các tài năng về công nghệ thông tin.

- *Quy định*: Lấy tổng số chỉ tiêu khuyến khích làm chỉ tiêu chính thức. Các đơn vị cấp Xã không có chỉ tiêu khuyến khích sẽ được phân bổ 01 chỉ tiêu cơ bản.

c) Môn Công nghệ-CN: Lấy tổng chỉ tiêu cơ bản làm chỉ tiêu chính thức.

d) Đối với các khu vực có đặc thù về giảng dạy ngoại ngữ 2 và các môn khoa học:

- Tiếng Pháp, Tiếng Nhật: Mỗi đơn vị được phân bổ 01 chỉ tiêu (không tính chỉ tiêu khuyến khích). Một số đơn vị được tăng thêm chỉ tiêu do đặc thù công tác dạy ngoại ngữ 2 trong đơn vị và quy mô, thành tích từ năm học trước (khu vực Đông Hải Phòng).

- Các môn KHTN1, KHTN2, KHTN3, LS&ĐL1, LS&ĐL2:

Tổng chỉ tiêu = Chỉ tiêu cơ bản + 1.

- Môn GDCD: Tổng chỉ tiêu = Chỉ tiêu cơ bản + 1.

3.4. Chỉ tiêu phân bổ cụ thể:

Số chỉ tiêu thí sinh dự thi quy định tại Phụ lục 1 (kèm theo Kế hoạch này), số chỉ tiêu phân bổ trong phụ lục là số chỉ tiêu tối đa theo môn/xã.

4. Nội dung và cấu trúc đề thi

- Nội dung thi:

+ Bám sát chương trình giáo dục cấp THCS hiện hành theo Chương trình GDPT 2018, trọng tâm là chương trình lớp 9 (tính đến thời điểm thi).

+ Môn Tin học: Lập trình giải các bài toán trên máy vi tính. Học sinh được lựa chọn sử dụng một trong các ngôn ngữ lập trình: Free Pascal, Dev-C++, Python.

+ Các môn Ngoại ngữ có phần thi kỹ năng nghe hiểu.

- **Cấu trúc đề thi:** Thực hiện theo cấu trúc đề thi được Sở GDĐT ban hành.

5. Lịch thi và Địa điểm tổ chức

a) Bảng tổng hợp các mốc thời gian chính

Hoạt động	Đơn vị thực hiện	Thời gian hoàn thành
Tổ chức thi chọn HSG cấp Trường	Các trường THCS	Trước ngày 05/12/2025
Tuyển lựa thí sinh tham dự đội tuyển cấp Xã (tham khảo phụ lục 3 ban hành kèm Kế hoạch)	UBND cấp Xã	Trước ngày 20/12/2025
Đăng ký danh sách dự thi cấp Thành phố	Các đơn vị cấp Xã	Chậm nhất ngày 25/12/2025
Tổ chức thi cấp Thành phố	Sở GDĐT	Ngày 12/01/2026
Công bố kết quả (dự kiến)	Sở GDĐT	Trước ngày 20/01/2026
Phúc khảo bài thi	Sở GDĐT	- Nhận đơn phúc khảo trong vòng 07 ngày kể từ ngày công bố kết quả)

b) Lịch làm việc của Hội đồng coi thi:

- Ngày 11/01/2026:

+ 08h00: Họp Lãnh đạo Hội đồng (Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Thư ký).

+ 08h30: Họp toàn thể Hội đồng; kiểm tra cơ sở vật chất, trang thiết bị.

- Ngày 12/01/2026 (Ngày thi):

+ 07h00: Toàn thể Hội đồng có mặt; Lãnh đạo Hội đồng nhận bàn giao đề thi.

+ 07h55: Phát đề thi.

+ 08h00: Tính giờ làm bài.

c) Địa điểm tổ chức thi:

Địa điểm	Môn thi	Thời gian làm bài	Giờ phát đề	Giờ làm bài
Khu vực Đông Hải Phòng				
Điểm thi 1 Trường THCS Trần Phú (Phường Lê Chân)	Toán, KHTN1, KHTN2, KHTN3 (Tối đa 30 phòng thi)	90 phút	07h55'	8h00'
Điểm thi 2 Trường THCS Ngô Quyền (Phường Lê Chân)	Ngữ văn; LS&ĐL1, LS&ĐL2, GDCD (Tối đa 31 phòng thi)	Ngữ văn (150 phút), các môn còn lại 90 phút	07h55'	8h00'
Điểm thi 3: THCS Tô Hiệu (Phường Lê Chân)	Tin học, tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nhật (Tối đa 25 phòng, có 3 phòng Tin học)	Tin học (150 phút), các môn còn lại 90 phút	07h55'	8h00'
Khu vực Tây Hải Phòng				
Điểm thi 1 THCS Võ Thị Sáu (Phường Lê Thanh Nghị)	Toán, KHTN1, KHTN2, KHTN3, Tin học. (Tối đa 33 phòng thi, 05 phòng Tin học)	Tin học (150 phút), các môn còn lại 90 phút	07h55'	8h00'
Điểm thi 2 THPT chuyên Nguyễn Trãi (Phường Lê Thanh Nghị)	Ngữ văn, LS&ĐL1, LS&ĐL2, GDCD, Tiếng Anh (Tối đa 36 phòng thi)	Ngữ văn (150 phút), các môn còn lại 90 phút	07h55'	8h00'

6. Công tác Chấm thi

a) **Địa điểm:** Sở GDĐT thành lập 01 Hội đồng chấm thi tập trung tại Trường THCS Võ Thị Sáu (Số 379 đường Trường Chinh, P. Lê Thanh Nghị, TP. Hải Phòng).

b) **Thời gian:**

- **Nộp bài thi:** Ngay sau khi kết thúc môn thi cuối cùng, các Hội đồng coi thi niêm phong và vận chuyển bài thi về địa điểm tập kết theo khu vực:

+ Bài thi khu vực Đông Hải Phòng: Nộp về trường THCS Tô Hiệu, Phường Lê Chân, Thành phố Hải Phòng (Số 347 đường Tô Hiệu, Phường Lê Chân, TP. Hải Phòng);

+ Bài thi khu vực Tây Hải Phòng: Nộp về trường THCS Võ Thị Sáu (Số 379 đường Trường Chinh, Phường Lê Thanh Nghị, TP. Hải Phòng).

- **Vận chuyển bài thi về địa điểm chấm thi:** Sau khi Hội đồng hoàn thành nộp bài thi, Sở GDĐT vận chuyển bài thi đến Hội đồng chấm thi tại trường THCS Võ Thị Sáu (Số 379 đường Trường Chinh, Phường Lê Thanh Nghị, TP. Hải Phòng).

- **Chấm thi:** Bắt đầu từ 14h00 ngày 12/01/2026.

7. Đăng ký dự thi

Phòng Văn hóa - Xã hội nhập danh sách đội tuyển cấp Xã đăng ký dự thi cấp thành phố trên phần mềm thi chọn học sinh giỏi do Sở GDĐT cung cấp (Có hướng dẫn riêng sử dụng và quy định cách thức đăng ký dự thi). Danh sách học sinh đăng ký dự thi in từ phần mềm thi chọn học sinh giỏi (có dấu, chữ ký của thủ trưởng đơn vị được scan) gửi về Phòng Quản lý chất lượng giáo dục qua địa chỉ email:

- Khu vực Tây Hải Phòng: vuxuantruong@haiphong.edu.vn

- Khu vực Đông Hải Phòng: daovuchien@haiphong.edu.vn

- Thời hạn chậm nhất ngày 25/12/2025.

8. Xử lý các tình huống bất thường

Để chủ động ứng phó với các sự kiện không lường trước có thể xảy ra trong quá trình tổ chức thi như thiên tai, dịch bệnh, sự cố mất điện, sự cố hệ thống máy tính (đối với môn Tin học). Chủ tịch Hội đồng coi thi quyết định các phương án xử lý tại chỗ và báo cáo ngay cho Giám đốc Sở GDĐT. Các phương án xử lý phải dựa trên nguyên tắc đảm bảo an toàn tối đa cho thí sinh và cán bộ làm thi, đồng thời bảo toàn tính nghiêm túc, công bằng của kỳ thi.

9. Điều động nhận sự tham gia công tác thi:

- Phòng Văn hóa - Xã hội chịu trách nhiệm cử cán bộ, giáo viên tham gia làm nhiệm vụ coi và chấm thi theo sự điều động của Sở GDĐT bảo đảm lựa chọn đúng người có chuyên môn và năng lực phù hợp với yêu cầu công việc.

- Cán bộ, giáo viên được cử tham gia không có người thân dự thi và đáp ứng các tiêu chuẩn khác theo quy định tại Thông tư 17/2023/TT-BGDĐT.

- Sở GDĐT sẽ gửi phần mềm và hướng dẫn cùng quy định nhập danh sách coi, chấm thi đến các phòng VHXX Xã để triển khai điều động nhân sự cho kỳ thi (sẽ có văn bản hướng dẫn cụ thể).

IV. XỬ LÝ KẾT QUẢ VÀ KHEN THƯỞNG

1. Xếp giải cá nhân

- Chỉ xếp giải cá nhân (Nhất, Nhì, Ba, Khuyến khích) theo từng môn thi.

- Tỷ lệ giải đối với mỗi môn thi: Tổng số giải không vượt quá 60% số thí sinh dự thi; trong đó, tổng số giải Nhất, Nhì, Ba không vượt quá 60% tổng số giải, số giải Nhất không vượt quá 5% tổng số giải.

Căn cứ tình hình thực tiễn Hội đồng chấm thi báo cáo Giám đốc Sở có thể điều chỉnh phương án xếp giải cá nhân phù hợp đảm bảo quyền lợi của thí sinh và các đội dự thi.

2. Xếp thứ hạng đội tuyển từng môn và thứ hạng toàn đoàn

Căn cứ trên số giải đạt được, điểm thi, Sở GDĐT thực hiện xếp thứ hạng đội tuyển từng môn, toàn đoàn các đơn vị.

3. Cấp giấy chứng nhận

Giám đốc Sở GDĐT cấp giấy chứng nhận cho học sinh đạt giải và giáo viên có thành tích bồi dưỡng học sinh đạt giải cấp thành phố; thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận đã cấp nếu phát hiện học sinh, giáo viên được cấp giấy chứng nhận vi phạm quy chế thi hoặc việc xếp giải và cấp giấy chứng nhận sai quy định.

4. Phúc khảo bài thi

a) Đối tượng và thời gian: Mọi thí sinh dự thi đều có quyền xin phúc khảo bài thi. Đơn phúc khảo nộp tại đơn vị đăng ký dự thi trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày công bố kết quả.

b) Tổ chức phúc khảo: Sở GDĐT thành lập Hội đồng phúc khảo và tổ chức chấm phúc khảo theo quy chế. Kết quả phúc khảo là kết quả cuối cùng của thí sinh.

c) Công bố kết quả phúc khảo: Kết quả được công bố chậm nhất 15 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nhận đơn phúc khảo.

V. CÔNG TÁC ĐỀ THI, COI THI, CHẤM THI, KIỂM TRA

(Sở Giáo dục và Đào tạo sẽ có hướng dẫn riêng)

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn ngân sách nhà nước: Cấp cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo của thành phố Hải Phòng, theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành.

2. Nguồn bổ sung: Khuyến khích và đẩy mạnh công tác vận động, huy động các nguồn tài trợ, hỗ trợ từ các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân và các nguồn xã hội hóa hợp pháp khác. Nguồn kinh phí này được ưu tiên bổ sung vào quỹ khen thưởng, nhằm nâng cao hơn nữa giá trị vật chất và tinh thần của các giải thưởng, hoặc hỗ trợ các hoạt động bồi dưỡng, tập huấn cho các đội tuyển.



VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Phòng Quản lý chất lượng: Là đơn vị thường trực, chịu trách nhiệm tham mưu, xây dựng kế hoạch chi tiết, hướng dẫn chuyên môn, tổ chức các khâu của kỳ thi và theo dõi, đôn đốc toàn bộ quá trình.

b) Văn phòng, Phòng Kế hoạch - Tài chính: Phối hợp chuẩn bị các điều kiện về cơ sở vật chất, kinh phí và công tác hành chính.

c) Các phòng chuyên môn liên quan: Phụ trách nội dung chuyên môn, tham gia Hội đồng ra đề thi, Hội đồng chấm thi và các đoàn thanh tra, kiểm tra.

2. Các trường Trung học cơ sở

a) Xây dựng và ban hành Kế hoạch tổ chức kỳ thi cấp trường, phổ biến công khai tới toàn thể cán bộ, giáo viên, học sinh và phụ huynh.

b) Thành lập Hội đồng thi cấp trường, tổ chức thi một cách nghiêm túc, công bằng, bảo mật để lựa chọn những học sinh ưu tú nhất.

c) Thành lập đội tuyển, tổ chức bồi dưỡng và chuẩn bị tâm lý cho học sinh tham dự kỳ thi các cấp.

d) Hoàn thành và báo cáo danh sách đội tuyển về Phòng Văn hóa - Xã hội cấp Xã trước ngày 05/12/2025.

3. UBND cấp Xã

UBND cấp xã chủ trì, chỉ đạo Phòng Văn hóa - Xã hội là đơn vị thường trực có trách nhiệm:

a) Phối hợp với các trường THCS trên địa bàn tổ chức lựa chọn (tuyển chọn) thành lập đội tuyển cấp Xã.

b) Tuyển chọn học sinh thành lập danh sách đội tuyển chính thức theo đúng chỉ tiêu phân bổ, trình lãnh đạo UBND Xã phê duyệt (*tham khảo phụ lục 2, ban hành kèm với Kế hoạch*).

c) Hoàn thành thủ tục đăng ký dự thi cấp thành phố với Sở GDĐT, đảm bảo hoàn tất trước ngày 25/12/2025.

4. Yêu cầu chung với các đơn vị

a) Công tác truyền thông: Phổ biến công khai, kịp thời, chính xác các thông tin về kỳ thi đến toàn thể giáo viên, học sinh và phụ huynh.

b) Hỗ trợ tâm lý: Các trường THCS có trách nhiệm tổ chức tư vấn, quản lý căng thẳng thi cử cho học sinh trong đội tuyển.



c) Điều động nhân sự: Phòng Văn hóa - Xã hội các Xã chịu trách nhiệm cử cán bộ, giáo viên có năng lực, chuyên môn phù hợp tham gia công tác coi thi, chấm thi cấp thành phố theo sự điều động của Sở GDĐT.

c) Xử lý vi phạm: Mọi cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm quy chế thi sẽ bị xử lý nghiêm theo các quy định hiện hành của Bộ GDĐT và của thành phố.

Giám đốc Sở GDĐT yêu cầu Thủ trưởng các đơn vị căn cứ nội dung Kế hoạch này để xây dựng kế hoạch triển khai cụ thể tại đơn vị, đảm bảo công tác tổ chức thi nghiêm túc, đúng quy chế và đạt hiệu quả cao. Mọi vướng mắc trong quá trình thực hiện cần được báo cáo kịp thời về Sở GDĐT (qua Phòng Quản lý chất lượng, Đ/c Đào Vũ Chiến - Phó Trưởng phòng, điện thoại: 0912.122.289) để được hướng dẫn, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Sở;
- UBND xã, phường, đặc khu;
- Trường THCS, PT nhiều cấp;
- Chánh VP; Trưởng phòng CMNV Sở;
- Lưu: VT, QLCL.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phạm Hồng Quân





PHỤ LỤC 1

Ban hành kèm theo dự thảo Kế hoạch số.../KH-SGDDT ngày 19/2025 của Sở GDĐT)

BẢNG PHÂN BỐ CHỈ TIÊU THEO MÔN THI KHU VỰC ĐÔNG HẢI PHÒNG

TT	Phường	Số HS lớp 9	Chỉ tiêu CB	Toán	Văn	Vật lí	Hóa học	Sinh học	CNCN	Tin học	Lịch Sử	Địa lí	GD&CD	Tiếng Anh	Tiếng Pháp	Tiếng Nhật	Tổng
1	Đặc khu Cát Hải	454	1	2	2	2	2	2	1	1	2	2	1	2	1	1	21
2	Phường An Biên	1471	4	6	7	5	5	5	4	1	5	5	4	6	1	1	55
3	Phường An Dương	1507	5	10	10	6	6	6	5	1	6	6	5	11	1	1	74
4	Phường An Hải	637	2	3	3	3	3	3	2	1	3	3	2	5	1	1	33
5	Phường An Phong	674	2	3	3	3	3	3	2	1	3	3	2	3	1	1	31
6	Phường Bạch Đằng	806	2	3	3	3	3	3	2	1	3	3	6	3	1	1	35
7	Phường Đồ Sơn	400	1	2	2	2	2	2	1	1	2	2	1	2	1	1	21
8	Phường Đông Hải	914	3	5	5	4	4	4	3	1	4	4	3	8	1	1	47
9	Phường Dương Kinh	521	2	4	3	3	3	3	2	1	3	3	2	3	1	1	32
10	Phường Gia Viên	1404	4	10	9	5	5	5	4	5	5	5	8	11	1	15	76
11	Phường Hải An	2062	6	12	14	7	7	7	6	2	7	7	6	13	1	1	90
12	Phường Hòa Bình	833	2	4	5	3	3	3	2	1	3	3	3	6	1	1	38
13	Phường Hồng An	1123	3	5	5	4	4	4	3	1	4	4	6	5	1	1	47
14	Phường Hồng Bàng	1657	5	10	11	6	6	6	5	3	6	6	8	11	15	3	101
15	Phường Hưng Đạo	655	2	3	6	3	3	3	2	1	3	3	2	5	1	1	36
16	Phường Kiến An	899	3	6	5	4	4	4	3	1	4	4	3	7	1	1	47
17	Phường Lê Chân	2908	9	17	14	10	10	10	9	5	10	10	16	23	1	3	138
18	Phường Lê Ích Mốc	853	3	6	5	4	4	4	3	1	4	4	3	5	1	1	45

TT	Phường	Số HS lớp 9	Chỉ tiêu CB	Toán	Văn	Vật lí	Hóa học	Sinh học	CNCN	Tin học	Lịch Sử	Địa lí	GD&CD	Tiếng Anh	Tiếng Pháp	Tiếng Nhật	Tổng
19	Phường Lưu Kiếm	781	2	3	8	3	3	3	2	2	3	3	2	6	1	1	40
20	Phường Nam Đồ Sơn	427	1	2	2	2	2	2	1	1	2	2	3	2	1	1	23
21	Phường Nam Triệu	592	2	6	5	3	3	3	2	1	3	3	2	5	1	1	38
22	Phường Ngô Quyền	1144	3	10	10	4	4	4	3	3	4	4	8	7	1	1	63
23	Phường Phú Liễn	1117	3	9	10	4	4	4	3	1	4	4	4	9	1	1	58
24	Phường Thiên Hương	700	2	4	4	3	3	3	2	1	3	3	2	3	1	1	33
25	Phường Thủy Nguyên	1078	3	8	8	4	4	4	3	1	4	4	6	8	1	1	56
26	Xã An Hưng	451	1	2	2	2	2	2	1	1	2	2	1	2	1	1	21
27	Xã An Khánh	674	2	5	5	3	3	3	2	1	3	3	2	4	1	1	36
28	Xã An Lão	778	2	6	6	3	3	3	2	1	3	3	2	4	1	1	38
29	Xã An Quang	471	1	3	2	2	2	2	1	1	2	2	1	2	1	1	22
30	Xã An Trường	436	1	2	2	2	2	2	1	1	2	2	4	2	1	1	24
31	Xã Chấn Hưng	367	1	2	2	2	2	2	1	1	2	2	1	2	1	1	21
32	Xã Hùng Thắng	321	1	2	2	2	2	2	1	1	2	2	1	2	1	1	21
33	Xã Kiến Hải	637	2	3	3	3	3	3	2	1	3	3	2	3	1	1	31
34	Xã Kiến Hưng	413	1	2	2	2	2	2	1	1	2	2	1	2	1	1	21
35	Xã Kiến Minh	398	1	2	2	2	2	2	1	1	2	2	2	2	1	1	22
36	Xã Kiến Thụy	729	2	3	3	3	3	3	2	1	3	3	3	3	1	1	32
37	Xã Nghi Dương	404	1	2	2	2	2	2	1	1	2	2	4	2	1	1	24
38	Xã Nguyễn Bình Khiêm	497	1	2	5	2	2	2	1	1	2	2	1	2	1	1	24
39	Xã Quyết Thắng	289	1	2	2	2	2	2	1	1	2	2	1	2	1	1	21
40	Xã Tân Minh	463	1	3	3	2	2	2	1	1	2	2	2	2	1	1	24

TT	Phường	Số HS lớp 9	Chỉ tiêu CB	Toán	Văn	Vật lí	Hóa học	Sinh học	CNCN	Tin học	Lịch sử	Địa lí	GD&CD	Tiếng Anh	Tiếng Pháp	Tiếng Nhật	Tổng
41	Xã Tiên Lãng	582	2	6	3	3	3	3	2	1	3	3	5	3	1	1	37
42	Xã Tiên Minh	420	1	2	2	2	2	2	1	1	2	2	1	2	1	1	21
43	Xã Việt Khê	545	2	3	3	3	3	3	2	1	3	3	2	3	1	1	31
44	Xã Vĩnh Am	221	1	2	3	2	2	2	1	1	2	2	1	2	1	1	22
45	Xã Vĩnh Bảo	728	2	6	6	3	3	3	2	1	3	3	6	3	1	1	41
46	Xã Vĩnh Hải	402	1	3	4	2	2	2	1	1	2	2	2	2	1	1	25
47	Xã Vĩnh Hòa	299	1	2	2	2	2	2	1	1	2	2	1	2	1	1	21
48	Xã Vĩnh Thịnh	406	1	2	2	2	2	2	1	1	2	2	2	2	1	1	22
49	Xã Vĩnh Thuận	478	1	2	2	2	2	2	1	1	2	2	4	2	1	1	24

Cộng toàn khu vực

37026

106

222

229

155

155

155

106

63

155

155

160

226

62

77

1910

BẢNG PHÂN BỐ CHỈ TIÊU THEO MÔN THI KHU VỰC TÂY HẢI PHÒNG

TT	Phường	Số HS lớp 9	Chỉ tiêu CB	Toán	Văn	Vật lí	Hóa học	Sinh học	CNCN	Tin học	Lịch sử	Địa lí	GD&CD	Tiếng Anh	Tổng
1	Phường Ái Quốc	286	1	2	2	1	1	1	1	1	1	1	2	2	15
2	Phường Bắc An Phú	330	1	3	2	1	1	1	1	1	1	1	2	2	16
3	Phường Chí Linh	406	1	5	2	1	1	3	1	1	1	3	2	2	22
4	Phường Chu Văn An	734	2	3	4	2	2	2	2	1	2	2	3	5	28
5	Phường Hải Dương	787	2	3	3	4	2	2	2	1	4	2	3	3	29
6	Phường Kinh Môn	451	1	5	6	3	3	4	1	1	3	1	2	5	34
7	Phường Lê Đại Hành	349	1	2	2	1	3	1	1	3	1	2	2	2	20
8	Phường Lê Thanh Nghị	1879	6	11	9	9	9	6	6	1	9	9	7	15	91
9	Phường Nam Đồng	376	1	2	2	1	1	1	1	1	1	1	2	2	15
10	Phường Nguyễn Đại Nãng	479	1	2	2	7	2	1	1	1	7	4	2	2	31
11	Phường Nguyễn Trãi	240	1	2	2	1	4	4	1	3	1	4	2	5	29
12	Phường Nhị Chiểu	736	2	3	4	2	2	2	2	3	2	2	3	5	30
13	Phường Phạm Sư Mạnh	403	1	3	2	1	1	1	1	1	1	1	2	2	16
14	Phường Tân Hưng	537	2	3	3	2	2	2	2	1	2	2	3	3	25
15	Phường Thạch Khôi	553	2	3	3	2	2	2	2	1	2	2	3	3	25
16	Phường Thành Đông	598	2	3	3	2	2	2	2	1	2	2	3	3	25
17	Phường Trần Hưng Đạo	726	2	6	6	7	6	5	2	3	7	5	3	6	56
18	Phường Trần Liễu	379	1	2	2	2	1	1	1	1	2	3	2	2	19
19	Phường Trần Nhân Tông	330	1	2	2	1	1	1	1	1	1	1	2	2	15
20	Phường Tứ Minh	550	2	6	4	5	5	5	2	3	5	4	3	5	47
21	Phường Việt Hòa	511	2	4	3	2	2	2	2	1	2	2	3	3	26
22	Xã An Phú	563	2	3	3	2	2	2	2	1	2	2	3	3	25
23	Xã An Thành	450	1	5	2	2	4	1	1	1	2	1	2	4	25

TT	Phường	Số HS lớp 9	Chỉ tiêu CB	Toán	Văn	Vật lí	Hóa học	Sinh học	CNCN	Tin học	Lịch Sử	Địa lí	GD&CD	Tiếng Anh	Tổng
24	Xã Bắc Thanh Miện	323	1	2	2	1	1	1	1	1	1	1	2	2	15
25	Xã Bình Giang	469	1	3	2	1	2	1	1	1	1	1	2	2	17
26	Xã Cẩm Giang	507	2	4	3	2	2	4	2	1	2	2	3	3	28
27	Xã Cẩm Giàng	481	1	2	2	1	1	1	1	1	1	1	2	2	15
28	Xã Chí Minh	429	1	2	2	1	1	1	1	1	1	1	2	2	15
29	Xã Đại Sơn	401	1	2	2	1	1	1	1	1	1	1	2	2	15
30	Xã Đường An	616	2	6	6	5	5	5	2	3	5	5	3	6	51
31	Xã Gia Lộc	794	2	7	6	3	6	5	2	1	3	5	3	5	46
32	Xã Gia Phúc	567	2	3	3	2	4	2	2	1	2	2	3	3	27
33	Xã Hà Bắc	547	2	3	3	2	2	2	2	1	2	2	3	3	25
34	Xã Hà Đông	440	1	2	2	1	1	1	1	1	1	1	2	2	15
35	Xã Hà Nam	354	1	2	2	1	1	3	1	1	1	1	2	3	18
36	Xã Hà Tây	472	1	2	2	1	1	3	1	1	1	1	2	2	17
37	Xã Hải Hưng	391	1	2	3	4	3	3	1	1	4	2	2	2	27
38	Xã Hồng Châu	474	1	3	3	1	1	2	1	1	1	3	2	3	21
39	Xã Hợp Tiến	245	1	2	2	1	3	1	1	1	1	1	2	2	17
40	Xã Kê Sắt	632	2	3	3	2	2	2	2	6	2	2	3	3	30
41	Xã Khúc Thừa Dụ	480	1	2	2	1	3	2	1	1	1	1	2	3	19
42	Xã Kim Thành	593	2	3	6	4	2	2	2	3	4	2	3	3	34
43	Xã Lạc Phượng	432	1	2	2	1	1	1	1	1	1	1	2	2	15
44	Xã Lai Khê	669	2	6	3	2	2	4	2	1	2	3	3	3	31
45	Xã Mao Điền	731	2	5	3	2	2	2	2	1	2	2	3	3	27
46	Xã Nam An Phụ	377	1	2	2	3	1	2	1	1	3	3	2	3	23
47	Xã Nam Sách	739	2	3	6	3	2	2	2	1	3	2	3	3	30

TT	Phường	Số HS lớp 9	Chỉ tiêu CB	Toán	Văn	Vật lí	Hóa học	Sinh học	CNCN	Tin học	Lịch Sử	Địa lí	GD&CD	Tiếng Anh	Tổng		
48	Xã Nam Thanh Miện	392	1	2	2	1	1	1	1	1	1	1	2	2	15		
49	Xã Nguyễn Giáp	379	1	2	2	1	1	1	1	1	1	1	2	2	15		
50	Xã Nguyễn Lương Bằng	467	1	2	5	1	1	3	1	3	1	1	2	2	22		
51	Xã Ninh Giang	581	2	8	3	7	3	5	2	4	7	4	3	7	53		
52	Xã Phú Thái	833	2	6	9	4	5	7	2	4	4	5	3	6	55		
53	Xã Tân An	426	1	2	2	2	1	4	1	1	2	3	2	2	22		
54	Xã Tân Kỳ	538	2	4	3	2	4	2	2	1	2	2	3	3	28		
55	Xã Thái Tân	290	1	2	2	1	4	1	1	1	1	1	2	2	18		
56	Xã Thanh Hà	591	2	3	7	5	3	2	2	1	5	2	3	3	36		
57	Xã Thanh Miện	771	2	8	4	8	5	7	2	1	8	9	3	9	64		
58	Xã Thượng Hồng	403	1	2	2	2	1	1	1	1	2	1	2	2	17		
59	Xã Trần Phú	439	1	2	2	1	1	1	1	1	1	1	2	3	16		
60	Xã Trường Tân	398	1	2	2	1	1	1	1	1	1	1	2	2	15		
61	Xã Tứ Kỳ	711	2	7	6	5	4	5	2	3	5	5	3	6	51		
62	Xã Tuệ Tĩnh	433	1	2	2	1	1	1	1	1	1	1	2	3	16		
63	Xã Vĩnh Lại	556	2	4	5	2	4	2	2	1	2	2	3	5	32		
64	Xã Việt Kiều	603	2	3	3	2	2	4	2	3	2	4	3	3	31		
Cộng toàn khu vực				33212	97	217	206	153	151	153	97	95	153	147	161	215	1748



PHỤ LỤC 2

(Ban hành kèm theo dự thảo Kế hoạch số /KH-SGDĐT ngày /9/2025 của Sở GDĐT)

HƯỚNG DẪN CÔNG TÁC TUYỂN CHỌN ĐỘI TUYỂN HỌC SINH GIỎI CẤP XÃ DỰ THI CẤP THÀNH PHỐ

I. MỤC ĐÍCH:

- Tuyển chọn lực lượng học sinh có năng lực vượt trội, kiến thức chuyên sâu, kỹ năng làm bài tốt nhất ở từng môn học trên địa bàn cấp Xã. Việc chọn lựa này nhằm xây dựng và cử đi một đội tuyển có chất lượng cao, đủ sức cạnh tranh và có khả năng đạt thành tích tốt nhất tại kỳ thi cấp thành phố

- Việc tuyển chọn đội tuyển học sinh giỏi cấp xã không chỉ đơn thuần là một cuộc thi, mà là một hoạt động chiến lược nhằm phát triển tài năng, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện và khẳng định vị thế của địa phương.

II. CÁC PHƯƠNG ÁN TUYỂN CHỌN

Các đơn vị có thể lựa chọn một trong hai phương án dưới đây để tổ chức tuyển chọn học sinh vào đội tuyển của xã.

1. Phương án 1: Tổ chức thi tuyển

a) *Chủ trì:* UBND xã là đơn vị chủ trì, chịu trách nhiệm toàn diện về công tác tổ chức.

b) *Phối hợp thực hiện:* UBND xã phối hợp chặt chẽ với các trường Trung học cơ sở (THCS) trên địa bàn để xây dựng kế hoạch và tổ chức một kỳ thi chung thống nhất cho tất cả học sinh có nguyện vọng tham gia.

c) *Nội dung công việc:*

- Thành lập Hội đồng thi cấp xã.
- Xây dựng kế hoạch chi tiết về thời gian, địa điểm, quy chế thi.
- Tổ chức ra đề thi, coi thi, chấm thi một cách nghiêm túc, an toàn và đúng quy chế.

- Lựa chọn học sinh có điểm số cao nhất để thành lập đội tuyển chính thức.

2. Phương án 2: Tổ chức xét tuyển

a) *Thành lập Hội đồng:* UBND xã ra quyết định thành lập Hội đồng xét tuyển. Thành phần Hội đồng có thể bao gồm đại diện lãnh đạo UBND xã, Hiệu trưởng các trường THCS, và các giáo viên có chuyên môn cao, uy tín.

b) *Xây dựng tiêu chí:*

- Hội đồng xét tuyển có trách nhiệm xây dựng và ban hành một bộ tiêu chí khung làm cơ sở cho việc lựa chọn.

- Các tiêu chí đề xuất có thể bao gồm (nhưng không giới hạn):



- + Kết quả kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp trường: Điểm số hoặc thứ hạng đạt được.
- + Điểm trung bình môn học thi học sinh giỏi: Điểm tổng kết của môn học tương ứng trong năm học gần nhất hoặc học kỳ gần nhất.
- + Các giải thưởng, thành tích khác: Các giải thưởng đã đạt được trong các cuộc thi học thuật, sân chơi trí tuệ từ cấp trường trở lên.
- + Ý kiến đánh giá, giới thiệu của giáo viên bộ môn.

c) *Quy trình xét tuyển*: Hội đồng tiến hành xét duyệt hồ sơ của các học sinh dựa trên bộ tiêu chí đã được công bố. Việc xét duyệt phải được thực hiện qua các cuộc họp chính thức và có biên bản ghi nhận rõ ràng.

III. YÊU CẦU BẮT BUỘC

1. Công khai phương án: Phương án tuyển chọn (thi tuyển hay xét tuyển) phải được thông báo công khai, rộng rãi đến toàn thể cán bộ, giáo viên, phụ huynh và học sinh trên địa bàn xã thông qua các kênh thông tin như website của trường, bảng tin, các cuộc họp...

2. Minh bạch quy trình: Toàn bộ quy trình thực hiện, từ việc xây dựng kế hoạch, ra đề thi (nếu thi tuyển), xây dựng bộ tiêu chí (nếu xét tuyển) cho đến quá trình tổ chức và xử lý kết quả đều phải được thực hiện một cách minh bạch, rõ ràng.

3. Công bố kết quả: Danh sách học sinh được tuyển chọn vào đội tuyển chính thức của xã phải được công bố công khai, kèm theo kết quả (điểm thi hoặc kết quả xét duyệt chi tiết) để tất cả mọi người đều được biết và giám sát.

Các đơn vị nghiêm túc nghiên cứu và lựa chọn phương án phù hợp nhất với điều kiện thực tế của địa phương để triển khai thực hiện.

-----HẾT-----

